TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tính
2. Bà Đào Thị Kim Liên
- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.
Ngày 10/7/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ A, phố H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ).

Bị đơn: Anh Lê Trọng K, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Tổ B, khu C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường N, tỉnh Phú Thọ).

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Chị và anh Lê Trọng K có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ B, khu C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh K không quan tâm đến vợ con, mẹ con chị phải chuyển về sinh sống tại tổ A, phố H, phường T, thành phố V ở, vợ chồng đã sống ly thân. Do có nhiều mâu thuẫn nên trước đó chị đã làm đơn

gửi ra Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì vào năm 2023, trong quá trình giải quyết ly hôn, Tòa án có báo anh K nhiều lần đến làm việc nhưng anh K không đến tòa, anh K có nói với chị là xin rút đơn về để hòa giải mâu thuẫn, vì vậy chị đã rút đơn để cho anh K một cơ hội sửa chữa nhưng từ khi chị rút đơn về cho đến nay anh chị vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Lê Trọng K.

Về con chung: Chị và anh Lê Trọng K có 01 con chung là cháu Lê Bảo Â, sinh ngày 23/5/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Bảo Â và không yêu cầu anh K phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Lê Trọng K: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, báo anh K đến Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì làm việc, nhưng anh K cố tình không đến Tòa làm việc.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với anh Lê Trọng K;

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bảo Â, sinh ngày 23/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lê Trọng K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Anh Lê Trọng K có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Lê Trọng K. Bị đơn là anh Lê Trọng K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ B, khu C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Tuyết T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Trọng K, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh K nhưng không tống đạt được vì anh K vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh và chính quyền địa phương cho biết anh K làm tự do, giờ giấc đi lại thất thường nên không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh K đều không đến Tòa án làm việc. Như vậy là anh K cố tình không hợp tác, việc anh K cố tình trốn tránh không đến Tòa có nghĩa là anh K từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Lê Trọng K đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2023 chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, sau đó chị T đã rút đơn về để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng từ đó đến nay anh chị vẫn sống ly thân. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh K sinh sống xác định anh, chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T đề nghị ly hôn với anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Lê Trọng K có 01 con chung là cháu Lê Bảo Â, sinh ngày 23/5/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Bảo Â. Xét đề nghị của chị T là chính đáng bởi lẽ từ trước đến nay cháu Â ở với chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Â vẫn còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con. Anh K cố tình trốn tránh không đến Tòa nên không có quan điểm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung, cần giao cháu Lê Bảo Â cho chị Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Trọng K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Tuyết T vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị Tuyết T không đề nghị Toà án giải quyết. Mặt khác, anh Lê Trọng K không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được quan điểm của mình về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn với anh Lê Trọng K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo Â, sinh ngày 23/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Tuyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Lê Trọng K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Tuyết T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003422 ngày 18/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 1 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường Nông Trang;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên